**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Mẫu sản phẩm 5.2

(Kèm theo của Phụ lục 5)

**KHOA/VIỆN……………….**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

***(Dành cho các học phần dạy học theo hình thức đồ án/dự án)***

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:***

Học hàm, học vị:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính:

***Giảng viên 2:***

Học hàm, học vị:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính:

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |
| --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): (tiếng Anh): |
| - Mã số học phần: |
| - Thuộc CTĐT ngành: |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức cơ bản Kiến thức cơ sở ngành Kiến thức ngành |  Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án Kiến thức khác |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  |  Tự chọn  |
| - Số tín chỉ: (*đối với học phần có dự án/đồ án có ít nhất tối thiểu 4 tín chỉ*)+ Số tiết lý thuyết: + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: + Số tiết tự học: |
| - Điều kiện đăng ký học: |  |
| + Học phần tiên quyết: | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:+ Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1).+ Tham gia đầy đủ các bài thực hành. |
| - Bộ môn phụ trách học phần:Điện thoại: Email: |

**2. Mô tả học phần**

*Phần này mô tả ngắn gọn:*

*- Vai trò, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, đối với ngành đào tạo.*

*- Điểm đặc trưng của học phần so với các học phần khác.*

*- Lý do sinh viên nên chọn học phần này.*

*- Kiến thức, kỹ năng, trải nghiệm nghề nghiệp mà sinh viên được học, rèn luyện qua học phần này.*

*Tham khảo:* [*https://ocw.mit.edu/courses/biology/*](https://ocw.mit.edu/courses/biology/)

**3. Mục tiêu học phần**

*Mục tiêu học phần trình bày thành một đoạn văn; diễn đạt khá tổng quát về kiến thức/kỹ năng/thái độ sẽ đạt được (phù hợp với CĐR CTĐT và TĐNL phân bổ cho học phần); thể hiện được sự học tập chủ động của sinh viên (lấy người học làm trung tâm).*

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,…)

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |
| --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** |
| PLO1.1 | PLO1.2 | PLO2.1 | …. |
| 1.1.1 | 1.1.2 | … | 1.2.1 | 1.2.2 | … | 2.1.1 | 2.1.2 | …. | …. | …. | …. |
| CLO1.1 | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ | ✓ |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  |  | ✓ | ✓ |  | ✓ | ✓ |  | ✓ | ✓ |  |
| … |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  | ✓ | ✓ |  |
| … |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  | ✓ | ✓ |  |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR****học phần**  | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 |  |  |  |   |
| CLO1.2 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |

*Ghi chú:*

*- Khi đối sánh với CĐR CTĐT, cần ghi rõ trình độ năng lực (TĐNL) phân nhiệm cho học phần bằng số tương ứng trong ngoặc đơn.*

*- TĐNL được ký hiệu bằng chữ số chẵn tương ứng: 1, 2, 3, 4, 5 (Phụ lục 1)*

*- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu…*

*- Ví dụ về phương pháp đánh giá:**Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án…*

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá [[1]](#footnote-1)**  | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ****(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** (tối thiểu 02 lần đánh giá) |  |  | **30%** |
| A1.1 | Đánh giá tiến độ đồ án lần 1 | - Rubric 1- Bảng kiểm/- Nhật ký… |  |  |
| A1.2 | Đánh giá tiến độ đồ án lần 2 | - Rubric 2- Bảng kiểm/- Nhật ký |  |  |
| … |  |  |  |  |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ [[2]](#footnote-2):** (Seminar kết quả giữa kỳ, tối thiểu 01 lần) |  |  | **20%** |
| A2.1 | Seminar lần … | Rubric 3 |  |  |
| …. | Seminar lần … |  |  |  |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** |  |  | **50%** |
| A.3.1 | Đánh giá chung của hội đồng đánh giá đồ án/dự án | Rubric |  |  |
| **Công thức tính điểm tổng kết:**  |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên

Rubric 1…

Rubric 2…

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá giữa kỳ

Rubric 3…

Rubric ..: …

5.2.3. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ

Rubric n:…

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

[2] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

*Không quá 02 tài liệu bắt buộc. Tài liệu bắt buộc phải có tính cập nhật (ít nhất có 01 cuốn xuất bản sau 2012) và có sẵn trên thị trường Việt Nam.*

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Tên tác giả, tên giáo trình, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

[4] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản), tên phần mềm.

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần**  | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| 1 - x |  |  |  |  | (Rubrics ) | - CLOx.x |
| 2. |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |
|  | Nguyễn Văn B | Nguyễn Văn C |

**Phụ lục 1: Ký hiệu về trình độ năng lực (TĐNL) và đối sánh với các thang phân loại**

(Dùng cho xây dựng ma trận CĐR CTĐT và xây dựng đề cương học phần)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **KÝ HIỆU TĐNL** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| ***Mức độ thành thạo dựa vào hoạt động*** | Crawly, 2001 | Có trải nghiệm qua hoặc gặp qua | Có thể tham gia vào và đóng góp | Có thể hiểu và giải thích | Có kỹ năng trong thực hành hoặc thực hiện | Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới |
| MIT | 0.1 🡪 1.0 | 1.1 🡪 2.4 | 2.5 🡪 3.4 | 3.5 🡪 4.4 | 4.5 🡪 5.0 |
| ***Lĩnh vực về nhận thức*** | Bloom, 1956 | **-----** | - Biết | - Hiểu | - Áp dụng,- Phân tích | - Tổng hợp,- Đánh giá |
| Anderson et al., 2001 | **-----** | - Nhớ | - Hiểu | - Áp dụng,- Phân tích | - Đánh giá,- Sáng tạo |
| ***Lĩnh vực về tâm vận động*** | Simpson, 1972 | - Nhận thức- Thiết lập | - Làm theo hướng dẫn | - Thuần thục | - Thành thạo kỹ năng phức tạp- Thích ứng | - Sáng chế |
| Dave, 1975 | - Bắt chước có quan sát | - Làm lại theo cấu trúc nội tâm | - Chính xác hóa hoạt động của cơ bắp | - Hoàn thiện thứ tự các hoạt động | - Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới |
| ***Lĩnh vực về cảm xúc*** | Krathwohl, Bloom & Masia, 1973 | **-----** | - Tiếp nhận hiện tượng | - Phản ứng với hiện tượng | - Chấp nhận giá trị (Valuing) | - Tổ chức- Ứng xử |

1. Công cụ đánh giá cần phải thiết kế để đánh giá được chuẩn đầu ra của học phần đồ án /dự án. [↑](#footnote-ref-1)
2. Có ít nhất hai giảng viên tham gia đánh giá./. [↑](#footnote-ref-2)